

HIỆP ĐỊNH
HÀNG HẢI THƯƠNG MẠI GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ LIÊN BANG NGA
Ngày 27 tháng 05 năm 1993

Với mong muốn củng cố quan hệ hữu nghị giữa hai nước và phát triển hơn nữa sự hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực hàng hải thương mại trên cơ sở công bằng và các bên cùng có lợi, tôn trọng pháp luật của cả hai nước. Hai bên đã cùng thoả thuận như sau

Điều 1

Trong Hiệp định này :

- 1) Thuật ngữ " Tàu của bên ký kết" có ý nghĩa là bất kỳ tàu nào được đăng ký trên lãnh thổ và mang cờ của nước đó. Tuy nhiên thuật ngữ này không bao hàm tàu chiến, tàu thể thao và du thuyền.
- 2) Thuật ngữ " thuyền viên" có nghĩa là thuyền trưởng và bất kỳ người nào khác thực tế đảm nhận chức trách và công việc trên tàu đó và có tên trong danh sách thuyền viên.
- 3) Thuật ngữ "hành khách" có nghĩa là bất kỳ người nào được chuyên chở trên tàu của mỗi bên ký kết và có tên trong danh sách hành khách của tàu.
- 4) Thuật ngữ " cơ quan chức trách có thẩm quyền" là các cơ quan chính phủ của các bên ký kết chịu trách nhiệm về lĩnh vực vận tải hàng hải và các vấn đề có liên quan của hai nước.

Điều 2

Các bên ký kết trong khuôn khổ pháp luật của mình sẽ tiếp tục nỗ lực duy trì và phát triển mối quan hệ công tác có hiệu quả giữa các cơ quan chức trách có thẩm quyền của hai nước. Đặc biệt, các bên ký kết thoả thuận tiếp tục xúc tiến việc trao đổi ý kiến, thông tin giữa các cơ quan chức trách có thẩm quyền và khuyến khích tăng cường việc tiếp xúc giữa các tổ chức và công ty vận tải biển giữa hai nước.

Điều 3

1. Các bên thoả thuận :
Thúc đẩy hơn nữa việc ưu tiên cho các tàu của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga tham gia vào lĩnh vực vận tải biển thương mại giữa các cảng của các nước được mở cho tàu nước ngoài.
Hợp tác loại trừ những trở ngại có thể gây tác hại cho việc phát triển vận tải biển thương mại giữa các cảng của hai nước.
Không gây trở ngại cho các tàu của một trong các bên tham gia vào vận tải biển thương mại giữa các cảng của các bên ký kết.
2. Những quy định của điều khoản này sẽ không làm ảnh hưởng đến quyền của các tàu của các nước thứ ba tham gia vào vận tải biển thương mại giữa các cảng của các bên ký kết.

Điều 4

1. Nếu như không được quy định khác đi trong hiệp định này, các bên ký kết sẽ dành cho nhau chế độ tối huệ quốc trong tất cả các vấn đề có liên quan đến vận tải biển thương mại.
2. Những quy định trong phần 1 của điều khoản này:
 - a) Sẽ không được áp dụng đối với các cảng không mở cho tàu nước ngoài:
 - b) Sẽ được áp dụng đối với việc thực hiện các dịch vụ ở cảng bao gồm : Hoa tiêu, tàu kéo cũng như vận tải nội địa.

Điều 5

Các bên ký kết sẽ sử dụng các biện pháp thích hợp để tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy giao lưu hàng hải, tránh những chậm trễ không cần thiết đối với các tàu, tạo điều kiện thuận lợi và đơn giản hoá các thủ tục hải quan và các thủ tục cần thiết khác tại cảng.

Điều 6

Các bên ký kết sẽ hạn chế các hành động có thể gây nguy hại cho sự phát triển bình thường của ngành vận tải biển quốc tế và hạn chế các biện pháp phân biệt đối xử với tàu và thuyền viên của bên kia.

Điều 7

- 1) Các giấy tờ chứng nhận quốc tịch tàu, giấy chứng nhận dung tích và các tài liệu khác của tàu do một trong hai bên ký kết cấp và thừa nhận sẽ được phía bên kia công nhận.
- 2) Các tàu của một trong các bên ký kết có giấy chứng nhận dung tích được cấp trên cơ sở Công ước quốc tế về đo dung tích tàu năm 1969 hoặc theo luật lệ hiện hành sẽ được miễn không phải đo lại dung tích tại cảng của phía bên kia. Trong trường hợp có thay đổi trong hệ thống đo đặc dung tích của một trong các bên ký kết thì bên đó phải thông báo cho phía bên kia về những thay đổi đó.

Điều 8

Mỗi bên ký kết sẽ dành cho người mang giấy tờ tùy thân của thuyền viên do cơ quan chức trách có thẩm quyền của phía bên kia cấp những quyền hạn được quy định ở Điều 9 và 10 của Hiệp định này.

Những giấy tờ tùy thân đó là:

Đối với thủy thủ các tàu Nga – Hộ chiếu thuyền viên.

Đối với thủy thủ các tàu Việt Nam – Hộ chiếu thuyền viên.

Điều 9

Trong trường hợp là thuyền viên trên tàu của một bên ký kết mang giấy tờ tùy thân của thuyền viên được quy định ở Điều 8 của Hiệp định này sẽ được phép ở lại trên bờ trong một thời hạn nhất định mà không cần thị thực trong thời gian nằm tại cảng của phía bên kia với điều kiện là thuyền trưởng phải trình danh sách thuyền viên tới các cơ quan chức

trách sở tại theo quy định hiện hành tại cảng đó.

2) Thuyền viên của các tàu thuộc các bên ký kết khi ở tại cảng hoặc vùng nước của phía bên kia phải tuân thủ luật pháp và các quy định hiện hành của phía bên đó. Những thuyền viên này được phép tiếp xúc với các nhân viên ngoại giao hoặc lãnh sự của nước mình để giải quyết bất kỳ công việc nào có liên quan.

3) Thuyền viên trên các tàu của mỗi bên, khi cần điều trị bệnh tật sẽ được phép ở lại trên lãnh thổ của phía bên kia trong một thời hạn cần thiết cho việc điều trị đó.

Điều 10

- 1) Những người mang giấy tờ tùy thân của thuyền viên được quy định ở Điều 8 của Hiệp định này sẽ được coi là hành khách trên bất kỳ phương tiện giao thông nào để đi vào lãnh thổ của phía bên kia hoặc quá cảnh qua nước đó để về tàu hoặc đến tàu khác hoặc quay về nước hoặc vì bất cứ lý do nào khác được các nhà chức trách của bên đó chấp thuận.
- 2) Trong tất cả các trường hợp quy định ở phần 1 của điều khoản này, thuyền viên phải có thị thực tương ứng do các cơ quan chức trách có thẩm quyền của phía bên kia cấp trong một thời hạn ngắn nhất.
- 3) Trong trường hợp người mang giấy tờ tùy thân của thuyền viên được quy định ở Điều 8 của Hiệp định này không phải là công dân của một trong các bên ký kết thì các thị thực nhập hoặc quá cảnh lãnh thổ của phía bên kia như quy định trong điều khoản này vẫn được cấp với điều kiện là bên cấp giấy tờ tùy thân thuyền viên cho người đó bảo đảm rằng người này sẽ quay về lãnh thổ của mình.

Điều 11

Đối với các quy định trong Điều 8 – 10 của Hiệp định này, các quy chế liên quan đến việc nhập cảnh, tạm trú và xuất cảnh của các công dân nước ngoài vẫn có hiệu lực trên lãnh thổ của các bên ký kết.

Mỗi bên ký kết dành cho mình quyền từ chối không cho nhập cảnh với các thuyền viên nếu không cần thiết.

Điều 12

1. Các cơ quan pháp luật của mỗi bên ký kết không được giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng làm việc của thuyền viên trên một tàu của phía bên kia nếu không có sự đồng ý của các nhân viên ngoại giao hoặc lãnh sự có thẩm quyền của nước đó.
2. Trong trường hợp một thuyền viên trên tàu của một trong hai bên ký kết phạm tội trên tàu khi đang ở tại vùng nội thủy của phía bên kia, thì các cơ quan chức trách của phía đó không được truy tố thuyền viên này nếu không có sự đồng ý của nhân viên ngoại giao hoặc lãnh sự của bên có tàu mang cờ trừ những trường hợp mà cơ quan có thẩm quyền nói trên có ý kiến như sau:
 - a) Các hậu quả của việc vi phạm này có thể ảnh hưởng tới lãnh thổ của nước mà tàu đang đỗ; hoặc

- b) Việc vi phạm này có ảnh hưởng đến trật tự công cộng và an ninh của nước đó; hoặc
- c) Việc vi phạm này chống lại bất kỳ người nào không phải là thuyền viên của tàu đó; hoặc
- d) Việc truy tố là cần thiết để ngăn chặn việc chống buôn lậu ma túy và các chất gây nghiện

Điều 13

1. Nếu tàu của một trong các bên ký kết bị đắm, mắc cạn hoặc dạt vào bờ hay gặp bất kỳ tai nạn nào ngoài khơi của phía bên kia thì phía đó sẽ dành cho tàu và hàng hoá bị tai nạn những quy chế tương tự như tàu và hàng hoá bị tai nạn những quy chế tương tự như tàu và hàng hoá của mình.
2. Thuyền viên và hành khách cũng như bản thân con tàu vào bất kỳ lúc nào cũng sẽ nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ tương tự như đối với tàu của nước đó.
3. Hàng hoá và các vật dụng được dỡ hoặc cứu vớt từ tàu như đề cập ở mục 1 điều khoản này sẽ được miễn thuế hải quan với điều kiện hàng hoá và vật dụng đó không được đưa ra sử dụng hoặc tiêu thụ trên lãnh thổ của phía bên kia.

Điều 14

Nếu không được quy định khác đi trong các hiệp định thanh toán thương mại và hợp tác kinh tế giữa hai nước thì tất cả các khoản thanh toán phát sinh từ các hoạt động liên quan đến Hiệp định này sẽ được tính bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi theo đúng các quy định hiện hành về quản lý ngoại tệ của từng nước.

Điều 15

Các bên ký kết sẽ tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức vận tải biển phía bên kia thiết lập các văn phòng đại diện trên lãnh thổ của mình.
Hoạt động của các văn phòng đại diện này phải tuân thủ theo pháp luật của nước chủ nhà.

Điều 16

Đại diện của các nhà chức trách có thẩm quyền của các bên ký kết sẽ gặp nhau khi cần thiết luân phiên tại Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tại Liên bang Nga để trao đổi về những vấn đề liên quan đến việc thi hành Hiệp định này và các vấn đề vận tải biển khác mà các bên cùng quan tâm.

Điều 17

Bất kỳ tranh chấp nào có liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua đối thoại trực tiếp giữ các cơ quan chức trách có thẩm quyền của các bên ký kết. Nếu những cơ quan trên không đạt được sự thoả thuận thì tranh chấp sẽ được giải quyết bằng đường ngoại giao.

Điều 18

Hiệp định này có thể sửa đổi vào bất kỳ lúc nào với sự thoả thuận của các bên ký kết.

Điều 19

Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày có thông báo cuối cùng của các bên ký kết sau khi đã hoàn tất thủ tục pháp lý cần thiết.

Hiệp định này có hiệu lực trong thời hạn 5 năm và sẽ tự động gia hạn trong thời hạn 1 năm trừ khi một trong hai bên ký kết thông báo cho phía bên kia ý định chấm dứt Hiệp định 6 tháng trước khi gia hạn theo từng thời hạn kể trên.

Để làm bằng, những người có tên dưới đây được Chính phủ các bên uỷ quyền đã ký tên vào văn bản hiệp định này.

Làm tại Hà Nội ngày 27 tháng 5 năm 1993, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Nga và tiếng Anh, tất cả các bản bằng các thứ tiếng có giá trị như nhau.